

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **135/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 28/9/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Thuận.

2. Bà Hoàng Thị Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2022/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lang Thị L**, sinh năm 1993.

Trú tại: Xóm V, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn H**, sinh năm 1990.

Trú tại: Xóm M, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2022 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lang Thị L trình bày:

Chị Lang Thị L và anh Trương Văn H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã NT1, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay sáp nhập xã gọi là xã NT). Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ham chơi, không tu chí làm ăn và chăm lo cho gia đình, ngoài ra còn có những mối quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, qua thời gian ly thân chị L thấy tình cảm vợ chồng không

còn, nên chị L giữ nguyên yêu cầu được giải quyết ly hôn đối với anh Trương Văn H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa chị L và anh Trương Văn H có 03 người con chung, gồm người con đầu Trương Thị Thúy H1, sinh ngày 13/12/2012 và 02 người con sinh đôi Trương Thị Thúy H2, Trương Thị Thanh H3 cùng sinh ngày 24/6/2014. Giải quyết ly hôn chị L đề nghị giao người con đầu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao 02 người con còn lại cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Lang Thị L có ý kiến thay đổi, nếu anh H thường đi làm xa nhà không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì chị L đề nghị giao cả 03 người con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Trương Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lang Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

- Đối với bị đơn anh Trương Văn H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện theo quy định, do anh H vắng mặt nên người nhà anh H đã ký nhận hộ giấy tờ và cam kết thông báo cho anh H được biết, tuy nhiên anh Trương Văn H không có văn bản hay ý kiến phản hồi. Quá trình giải quyết vụ việc Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết Thông báo phiên họp và hòa giải, cũng như giấy triệu tập theo quy định, người thân anh H ký nhận thay và cam kết sẽ thông báo, giao tận tay cho anh H biết để tham gia làm việc đúng thời gian, nhưng anh H vẫn không có mặt để tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu.

Tiến hành xác minh tại địa phương và lấy lời khai của bố đẻ anh Trương Văn H là ông Trương Văn D, ông D xác nhận sau khi nhận được Thông báo của Tòa án gia đình đã liên lạc thông báo cho anh H biết việc chị L xin giải quyết ly hôn nhưng anh H không về giải quyết, lý do anh H nói với gia đình là do không thu xếp được công việc, ngoài ra anh H còn có ý kiến không đồng ý ly hôn nên việc chị L viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh H sẽ không về để tham gia giải quyết, bản thân anh H cũng không cung cấp địa chỉ nơi mình hiện đang tạm trú, sinh sống và làm việc cho gia đình được biết, nên gia đình không cung cấp được địa chỉ của anh H cho Tòa án để liên hệ làm việc, gia đình vẫn giữ liên lạc thường xuyên với anh H bằng điện thoại, anh H vẫn thường xuyên về thăm gia đình, theo thông tin gia đình tìm hiểu chỉ biết hiện nay anh H đang làm việc tại khu công nghiệp tại các tỉnh phía bắc, không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu.

Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông D không được rõ, sau khi xảy ra mâu thuẫn chị L bỏ về nhà bố, mẹ đẻ sống thời gian đã lâu, giữa anh H và chị L có với nhau 03 người con chung gồm người con đầu là Trương Thị Thúy H1, sinh ngày 13/12/2012 và 02 người con sinh đôi Trương Thị Thúy H2, Trương Thị Thanh H3 cùng sinh ngày 24/6/2014. Từ khi hai vợ chồng đi làm xa và xảy ra mâu thuẫn cho đến nay các con chung của anh H, chị L vẫn ở cùng vợ chồng ông D và do ông

bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu chị L giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn với anh Trương Văn H, theo ý kiến của gia đình không đồng ý giao các con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, bởi vì các cháu từ nhỏ đã được ông, bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông bà không muốn xáo trộn nơi sinh sống, học tập của các cháu và nguyện vọng của các cháu cũng muốn được ở cùng với ông, bà và anh H.

Đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh H, chị L do hai vợ chồng tự giải quyết, ông D không có ý kiến gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có lý do, không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định, đã được triệu tập đến phiên tòa xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt do đó cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xét xử.

Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lang Thị L được ly hôn với anh Trương Văn H.

Đối với con chung: Tuy các con chung của chị L và anh H đều có nguyện vọng được ở với ông, bà nội và anh H, nhưng quá trình giải quyết anh Trương Văn H được thông báo tham gia giải quyết vụ án nhưng cố tình vắng mặt và không thông báo địa chỉ liên lạc để làm việc, nên không rõ nơi tạm trú, làm việc và sinh sống, theo quy định của pháp luật con chung chỉ được xem xét giao cho bố hoặc mẹ khi có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo quyền lợi cho các con, đề nghị xem xét giao cả 03 người con Trương Thị Thúy H1, sinh ngày 13/12/2012, Trương Thị Thúy H2, Trương Thị Thanh H3 cùng sinh ngày 24/6/2014 cho nguyên đơn có mặt là chị Lang Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Văn H là phù hợp. Việc giao nuôi con thực hiện kể từ tháng 10 năm 2022 trở đi cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có mặt không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lang Thị L có đơn yêu cầu giải quyết xin ly hôn đối với anh Trương Văn H, đề nghị giao người con đầu cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao 02 người con còn lại cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho nhau và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa chị L thay đổi ý kiến về phần con chung, đề nghị giao cả 03 người con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn anh Trương Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm M, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được tổng đạt thông báo, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ về việc nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án theo quy định nhưng không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và làm việc tại Tòa án được triệu tập, quá trình giải quyết không cung cấp địa chỉ cho Tòa án liên hệ để giải quyết vụ việc, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn, qua xác minh, làm việc bị đơn cố tình giấu địa chỉ, không tham gia giải quyết vụ án theo quy định, căn cứ vào hướng dẫn của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì Tòa án vẫn thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung, do đó cần áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lang Thị L và anh Trương Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 3 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã NT1, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay sáp nhập xã gọi là xã NT). Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về điều kiện kết hôn và đăng ký đúng thủ tục quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chung sống một thời gian giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, theo ý kiến chị L trình bày nguyên nhân do anh H không tu chí làm ăn và quan tâm, chăm lo cho gia đình, ngoài ra anh H còn có những mối quan hệ không trong sáng với những người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, cuộc sống không có

hạnh phúc và tương lai lâu dài. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, cũng như lời khai của nguyên đơn, lời khai người thân anh H và xác minh tại địa phương cho thấy, giữa vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra, sau đó chị L trở về nhà bố, mẹ đẻ sống ly thân với anh H từ năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không có sự quan tâm nhau, không có nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến kiên quyết xin được giải quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Lang Thị L đối với anh Trương Văn H.

[3] Về con chung: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, ý kiến của các đương sự, xác minh về hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, xét thấy quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Văn H thường vắng mặt tại địa phương, các con chung hiện do bố, mẹ đẻ của anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo quy định của pháp luật, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn gắn với quyền, nghĩa vụ của bố hoặc mẹ khi đủ điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi con, bản thân anh H thường đi làm xa nhà, quá trình giải quyết vụ án không có mặt tham gia giải quyết vụ án đưa ra ý kiến, đề nghị của mình về việc giao nuôi con, nếu xem xét giao con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được sự chăm sóc, gần gũi cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của các con chung sau này. Tuy cả 03 con chung đều có ý kiến muốn được ở cùng anh H và ông bà nội, nhưng xét thấy nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con gắn liền với nghĩa vụ của bố, mẹ nhưng anh H không có mặt thường xuyên tại địa phương, do đó cần xem xét giao các con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Văn H là hợp tình, hợp lý. Việc giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cần thực hiện kể từ tháng 10 năm 2022 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Ngoài ra trong thời gian nuôi con chị Lang Thị L có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện buộc anh Trương Văn H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu theo quy định.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Trong thời gian giao nuôi con, nếu anh Trương Văn H xét thấy chị Lang Thị L không đủ điều kiện, khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84 luật Hôn nhân và Gia đình, anh Trương Văn H có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi lại người trực tiếp nuôi con theo quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lang Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 35; 39; 271; 273; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lang Thị L được ly hôn anh Trương Văn H.

2. Về con chung: Giao 03 người con chung là Trương Thị Thúy H1, sinh ngày 13/12/2012 và Trương Thị Thúy H2, Trương Thị Thanh H3 cùng sinh ngày 24/6/2014 cho chị Lang Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Văn H. Việc giao nuôi con được thực hiện kể từ tháng 10 năm 2022 trở đi cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lang Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Lý đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006848 ngày 13/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Văn Đông